

Bản án số: **344/2023/HSPT**
Ngày: 28-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tào

Các thẩm phán: Ông Lê Tự

Ông Đinh Phước Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Minh Lộc, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại điểm cầu Trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 320/2023/TLPT-HS ngày 07 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo Trần Thị Kim P về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2023/HS-ST ngày 31/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Thị Kim P, sinh ngày 25/02/1975 tại A, Bình Định. Nơi thường trú: 20 L, tổ A, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Nơi ở: làng J, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: buôn bán. Trình độ học vấn: 9/12. Dân tộc: kinh. Tôn giáo: không. Giới tính: nữ. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Hữu T (đã chết) và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1940. Chồng là Lê Xanh N, sinh năm 1976, có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2012. Gia đình có 4 chị em, bị cáo là con thứ ba. Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 18/11/2020, đến ngày 24/6/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Vắng.

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Đào Văn T1, VPLS M, Đoàn Luật sư tỉnh G. Có mặt.

* *Bị hại có kháng cáo và liên quan đến kháng cáo*

- Ông Rơ Mah L, sinh năm 1970, bà Rơ Mah B, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: làng D, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Vắng.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần S, chi nhánh G. Đại diện ủy quyền: Ông Văn Quốc Đ – Giám đốc Phòng khách hàng cá nhân (Theo văn bản ủy quyền số 190/UQ-SCB-TGD.23.00 ngày 25/5/2023); địa chỉ: G H, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần N1, Chi nhánh G. Đại diện ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Vân T2 – Trưởng phòng khách hàng bán lẻ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong năm 2015, năm 2016, Trần Thị Kim P là đối tượng thường xuyên cho một số người đồng bào dân tộc thiểu số vay tiền. Quá trình vay mượn, những người vay thế chấp cho P Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) của họ, khi nào hết thời hạn vay, họ trả tiền cho P thì P trả lại GCNQSDĐ. Quá trình cho vay và giữ GCNQSDĐ của người vay, lợi dụng sự thiếu hiểu biết của người vay, P đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt 07 quyền sử dụng đất với tổng giá trị 1.421.487.994 đồng của một số người đến vay tiền để thế chấp Ngân hàng vay tiền, cụ thể như sau:

**** Chiếm đoạt 05 quyền sử dụng đất trị giá 968.626.494 đồng của vợ chồng ông Rơ Lan Ư và ông Rơ Châm H.***

Ngày 09/12/2015, Trần Thị Kim P cho ông Rơ Lan Ư (trú tại: Làng B, xã I, huyện I, Gia Lai) vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 5 năm, tiền lãi 25.000.000đ/năm (tương đương lãi suất 12,5%/năm và yêu cầu ông Ư thế chấp quyền sử dụng đất thể hiện trên 03 GCNQSDĐ mang tên vợ chồng ông Ư, bà Siu DJaih, gồm: GCNQSDĐ số AP 263093, AP 262394 và AP 262396 ở làng C, xã I, huyện I. Lợi dụng vợ chồng ông Ư là người dân tộc thiểu số không biết chữ, thiếu hiểu biết về pháp luật, ngày 10/12/2015, P đã lừa dối vợ chồng ông Ư đến Văn phòng C2 (nay là Văn phòng công chứng Đặng An B1) ký vào giấy tờ vay tiền. Vợ chồng ông Rơ Lan Ư tin tưởng là các giấy tờ vay tiền nên đồng ý ký, điểm chỉ, thực chất đây là Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Phi H1 (trú tại: P, xã I, huyện I) là người thân, quen của P (P nhờ đứng tên). Đến ngày 24/12/2015, P làm Hợp đồng chuyển nhượng 03 GCNQSDĐ từ Nguyễn Phi H1 sang tên cho vợ chồng bà Nguyễn Thị D, ông Đặng Ngọc T3 cũng là người quen của P để nhờ vợ chồng bà D, ông T3 thế chấp vay tiền ngân hàng.

Tương tự trường hợp ông Rơ Lan Ư, ngày 24/12/2015, P cho Rơ Châm H2 (trú tại: Làng B, xã I, huyện I, Gia Lai) vay 150.000.000 đồng tiền lãi 18.000.000đ/năm (tương đương lãi suất 12%/năm), thời hạn vay là 5 năm. P yêu cầu ông H thế chấp quyền sử dụng đất thể hiện trên 02 GCNQSDĐ mang tên vợ chồng ông Rơ Châm H, bà Siu B2, gồm GCNQSDĐ số AQ 044363 và AP 262103 tại làng B, xã I, huyện I, Gia Lai. Lợi dụng sự thiếu hiểu biết của vợ

chồng ông H, cùng trong ngày, P đã lừa dối vợ chồng ông H đến Văn phòng C2 ký vào giấy tờ mới cho vay tiền. Vợ chồng H tin tưởng là giấy tờ vay tiền nên ký, điếm chỉ theo yêu cầu của P nhưng thực chất đây Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà Nguyễn Thị D, ông Đặng Ngọc T3.

Sau khi làm thủ tục chuyển nhượng 05 GCNQSDĐ của vợ chồng ông U, vợ chồng ông H cho vợ chồng bà D, ông T3, P nhờ vợ chồng bà D đứng tên ký hợp đồng thế chấp 05 GCNQSDĐ trên để vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần S Chi nhánh G (Ngân hàng S1 Chi nhánh G), với số tiền 1.500.000.000 đồng. Sau khi ngân hàng giải ngân, vợ chồng D nhận tiền đưa cho P. *Theo Trần Thị Kim P khai, sau khi nhận được tiền từ ngân hàng D đưa cho P 800.000.000 đồng, D lấy 700.000.000 đồng (Cơ quan điều tra cho đối chất giữa D và P nhưng không có kết quả).* Toàn bộ quá trình làm thủ tục chuyển nhượng, vay vốn tại Ngân hàng S1 Chi nhánh G, tiền phí, thuế chuyển nhượng, tiền phí làm thủ tục vay vốn ngân hàng và tiền lãi hàng tháng đều do P nộp. Từ tháng 3/2018, P và D không thanh toán được nợ gốc và lãi theo hợp đồng. Ngày 28/5/2018, Nguyễn Thị D nhận được thông báo của Ngân hàng về việc thanh toán khoản nợ quá hạn với số tiền 54.312.500 đồng, D nhắc P nhưng P không trả, D đã tìm hiểu thì biết 05 GCNQSDĐ mà P nhờ vợ chồng D đứng tên thế chấp vay Ngân hàng là của vợ chồng ông Rơ Lan U và Rơ Châm H thế chấp cho P để vay tiền trong thời hạn 5 năm chứ không phải là vợ chồng ông U, ông H bán, chuyển nhượng cho P. Do vậy D đã viết đơn tố cáo hành vi lừa đảo của Trần Thị Kim P.

Qua định giá tài sản, tại Kết luận định giá tài sản số 31/KL-HĐĐGTS ngày 22/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện I đã kết luận giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, tại thời điểm năm 2015 như sau: Thửa đất số 68, 82 tờ bản đồ số 99 và thửa đất số 29, tờ bản đồ số 108 theo GCNQSDĐ số AP 263093, AP263094 và AP263096 của ông Rơ Lan U số tiền: 587.415.568 đồng; Thửa đất số 07, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 09, tờ bản đồ 67 theo GCNQSDĐ số AP 263103, AQ 044363 của ông Rơ Châm H2 số tiền: 381.210.926 đồng. ***Tổng cộng 05 thửa đất và tài sản trên đất trị giá là 968.626.494 đồng***

**** Chiếm đoạt 02 quyền sử dụng đất trị giá 452.861.500 đồng của vợ chồng ông Rơ Mah L, Rơ Mah V và Siu B3.***

Khoảng tháng 6 năm 2016, ông Rơ Mah L, ông Rơ Mah V1 (trú tại làng D, xã I, huyện I, Gia Lai) và Siu B3 (trú tại làng O, xã I, huyện I, Gia Lai) đến gặp Trần Thị Kim P để vay tiền. Do P có ý định chiếm đoạt quyền sử dụng đất của ông L, ông V1 và ông B3, P để thế chấp vay tiền ngân hàng nên P đồng ý cho ông Rơ Mah L vay 60.000.000 đồng, tiền lãi 10.000.000 đồng/năm (tương đương lãi suất 16,7%/năm), thời hạn vay 5 năm, và yêu cầu ông L thế chấp quyền sử dụng đất thể hiện trên GCNQSDĐ số AP 704591 đứng tên vợ chồng ông L bà Rơ Mah B4 tại xã I, huyện I; cho ông Rơ Mah V vay 30.000.000 đồng, tiền lãi 1 năm là 5.400.000 đồng (tương đương lãi suất 18%/năm), thời hạn vay 5 năm và yêu cầu ông V thế chấp quyền sử dụng đất thể hiện trên GCNQSDĐ số AP 704648 đứng tên vợ chồng ông V bà Pui M tại xã I, huyện I; cho Siu B3 vay

140.000.000 đồng, tiền lãi 25.000.000đ/năm (tương đương 17,8%/năm), thời hạn vay 5 năm và yêu cầu thế chấp quyền sử dụng đất thể hiện trên GCNQSDĐ số BS 525984 đứng tên ông Siu B3 ở xã I, huyện I.

Sau khi nhận 03 GCNQSDĐ trên nhưng chưa tiến hành làm thủ tục sang tên thì có đối tượng Nguyễn Văn P1 (trú tại F T, phường H, thành phố P) là người đang nợ tiền của P đến hỏi tiền đầu tư trồng chanh dây sau đó sẽ trả toàn bộ tiền vay mượn cho P. P không có tiền nên nói cho mượn GCNQSDĐ để dùng thế chấp vay vốn ngân hàng. P đã lấy 02 GCNQSDĐ của ông V, ông L mang 02 GCNQSDĐ trên đến UBND xã I, huyện I nhờ ông Nguyễn Cảnh T4 (Công chức Địa chính - Xây dựng xã I) lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của gia đình ông L, ông V cho bà Mẫn Thị L1 (trú tại: F T, phường H, thành phố P, là vợ của Nguyễn Văn P1). P tự ký, ghi tên Mẫn Thị L1 vào bên nhận chuyển nhượng trong hợp đồng để chứng thực tại UBND xã I vào ngày 07/7/2016. Sau khi làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông L, V sang tên cho Mẫn Thị L1, P tiếp tục làm thủ tục cấp đổi giấy 02 CNQSDĐ trên cho bà Mẫn Thị L1 và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp đổi GCNQSDĐ số CD 583589, CD 583586 đứng tên Mẫn Thị L1. **Vợ chồng Nguyễn Văn P1, Mẫn Thị L1 sử dụng 02 GCNQSDĐ này thế chấp vay vốn tại** Ngân hàng TMCP N1 Chi nhánh G, **với số tiền 1.000.000.000 đồng**. Đến hạn thanh toán gốc, lãi nhưng vợ chồng Nguyễn Văn P1 không trả do đó Ngân hàng TMCP N1 đã khởi kiện và được Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý giải quyết. Tại Bản án số 03/2019/DS-ST ngày 28/01/2019 của TAND thành phố Pleiku đã tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N1, buộc bà Mẫn Thị L1 và ông Nguyễn Văn P1 trả cho Ngân hàng TMCP N1 số tiền là 1.054.526.027 đồng. Trường hợp bà Mẫn Thị L1 và ông Nguyễn Văn P1 không thanh toán số nợ trên thì Ngân hàng TMCP N1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên bán tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Sau khi Ngân hàng TMCP N1 yêu cầu thi hành án, ông Rơ Mah L và ông Rơ Mah V biết GCNQSDĐ của mình đã bị P làm thủ tục sang tên cho người khác và dùng vay vốn tại Ngân hàng, ông L và ông V yêu cầu P trả lại nhưng P không trả nên đã làm đơn tố cáo hành vi của P.

Kết luận định giá tài sản số 31/KL-HĐĐGTS ngày 22/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện I, kết luận giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thời điểm năm 2016 đối với thửa đất số 30, tờ bản đồ số 149 theo GCNQSDĐ số AP 704648 của ông Rơ Mah V là 221.319.200 đồng; Thửa đất số 06, 07, tờ bản đồ số 147 theo GCNQSDĐ số AP 704591 của ông Rơ Mah L là 231.542.300 đồng. **Tổng cộng giá trị đất và tài sản trên đất là 452.861.500 đồng**

Riêng GCNQSDĐ của ông Siu B3, Trần Thị Kim P nhờ Nguyễn Cảnh T4 lập hợp đồng chuyển nhượng cho vợ chồng Lê Sanh Đ1 và Nguyễn Thị Thanh H3 (địa chỉ: Làng J, xã I, huyện I, là em chồng của P) rồi dùng thế chấp vay tiền tại Ngân hàng N1 - Chi nhánh G. Đến ngày 11/4/2019, Trần Thị Kim P tắt toán khoản vay, rút GCNQSDĐ nói trên và tự nguyện giao cho Cơ quan CSĐT Công

an tỉnh G. Kết quả xác minh GCNQSDĐ của ông Siu B3: Thửa đất số 13, tờ bản đồ 76 diện tích 17352 m², đất trồng cây lâu năm, địa chỉ: xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai theo GCNQSDĐ số BS 525984 mà ông Siu B3 thế chấp cho Trần Thị Kim P, hiện là của ông Đào Khả V2 (Sinh năm: 1971, trú tại làng O, xã I) quản lý và trồng cây cà phê, cây ăn trái. Nguồn gốc của thửa đất trên được ông Đào Khả V2 nhận chuyển nhượng từ ông Rơ Mah B5 (Sinh năm: 1940, trú tại làng O, xã I) vào năm 2008 và được ông V2 quản lý, canh tác ổn định từ đó đến nay. Thửa đất số 53, tờ bản đồ 78 mà ông Siu B3 cho rằng của ông đã thế chấp GCNQSDĐ số BS 525984 cho Trần Thị Kim P, đã cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng ông Cù Bá C1 và bà Lê Thị H4 (cùng trú tại thôn B, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai) theo GCNQSDĐ số CU 670960 được Sở T cấp ngày 10/6/2020. Về nguồn gốc thửa đất này là của gia đình ông Siu B3 nhận từ ông Nguyễn Văn L2 (trú tại tổ G, phường I, TP P, tỉnh Gia Lai) với diện tích 13.299m². Ông B3 vay tiền của vợ chồng ông Cù Bá C1 và bà Lê Thị H4 nên đã đồng ý để vợ chồng Cù Bá C1 đứng tên cấp GCNQSDĐ đến năm 2025 phải chuyển nhượng lại cho ông B3. Kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTS ngày 28/02/2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện I, kết luận: Căn cứ vào hồ sơ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện I cung cấp: Biên bản làm việc ngày 07/7/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G tại xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai kèm sơ đồ kiểm tra hiện trạng thửa đất; Biên bản làm việc ngày 26/7/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện I, tỉnh Gia Lai đã xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 525984, thửa đất số 13 tờ bản đồ số 76 diện tích 17.352 m² cấp cho ông Siu B3 không có đất trên thực tế. Do đó, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện I không tiến hành định giá

Về đồ vật, tài liệu đã thu giữ: Trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định tạm giữ 05 GCNQSDĐ mà Ngân hàng S1 chi nhánh G đã nhận thế chấp của vợ chồng Nguyễn Thị D và 02 GCNQSDĐ mà Ngân hàng V4 đã nhận thế chấp của vợ Mẫn Thị L1. Ngân hàng S1 chi nhánh G đã giao nộp 05 GCNQSDĐ và Ngân hàng V4 Chi nhánh G đã giao nộp 02 GCNQSDĐ cho Cơ quan điều tra theo quy định

Trong quá trình điều tra vụ án, Trần Thị Kim P đã giao nộp lại GCNQSD số BS 525984 đứng tên người sử dụng là ông Siu B3 và tự nguyện nộp 200.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Ông Rơ Lan U nộp 274.600.000 đồng, ông Rơ Châm H nộp 164.000.000 đồng, ông Rơ Mah V nộp 42.000.000 đồng, đây là khoản tiền gốc vay mà các ông L, H và Vo vay mượn của Trần Thị Kim P và lãi phát sinh

Về dân sự: Các bị hại Rơ Lan U, Rơ Châm H, Rơ Mah L, Rơ Mah V yêu cầu được nhận lại các GCNQSDĐ đã thế chấp cho Trần Thị Kim P; Ngân hàng S1 yêu cầu vợ chồng Nguyễn Thị D, Đặng Ngọc T3 phải trả lại số tiền gốc 1.500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Ngân hàng TMCP N2 chi nhánh G yêu cầu ông bà Nguyễn Văn P1, Mẫn Thị L1 phải trả lại tiền vay gốc 1.000.000.000 đồng và lãi phát sinh

Đối với Bản án số 03/2019/DS-ST ngày 28/01/2019 của Tòa án nhân thành phố Pleiku, ngày 19/11/2021, Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ra Quyết định kháng nghị tái thẩm số 128/QĐKNTT-VKS-DS. Ngày 20/4/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã mở phiên tòa tái thẩm tuyên hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 28/01/2019 của TAND thành phố Pleiku về vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP N1 với bị đơn là ông Nguyễn Văn P1 và bà Mẫn Thị L1. Giao hồ sơ cho TAND thành phố Pleiku để xét xử sơ thẩm lại

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2023/HS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Trần Thị Kim P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim P **08** (Tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/11/2020 đến ngày 24/6/2021.

2. Về dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 122, Điều 123, Điều 323 Bộ luật Dân sự; Điều 188 Luật Đất đai; Nghị định 163/2006/NĐ-CP về giao dịch đảm bảo:

2.1. Tuyên bố hợp đồng thế chấp số 164/HĐTC-SCB.CNGL.17 ngày 9/3/2017 đối với tài sản thế chấp là các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 263093, AP 263094, AP 263096, AQ 044363, AP 263103 tại Ngân hàng TMCP S chi nhánh G và hợp đồng thế chấp số 11/08A/NHNT ngày 15/8/2016 đối với tài sản thế chấp là các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 583586, CD 583589 tại Ngân hàng TMCP N1 chi nhánh G là vô hiệu

Đối với các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 263093 do Ủy ban nhân dân huyện I cấp ngày 18/8/2009, số AP 263094 do Ủy ban nhân dân huyện I cấp ngày 18/8/2009, số AP 263096 do Ủy ban nhân dân huyện I cấp ngày 18/8/2009 cho ông Rơ Lan U và bà Siu D1, ông Rơ Lan U và bà Siu D1 được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật

Đối với các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 044363 do Ủy ban nhân dân huyện I cấp ngày 26/8/2009, số AP 263103 do Ủy ban nhân dân huyện I cấp ngày 18/8/2009 cho ông Rơ Châm H và bà Siu B2, ông Rơ Châm H và bà Siu B2 được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 583589 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp ngày 05/8/2016 cho bà Mẫn Thị L1 (Trước đây là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 704591 do Ủy ban nhân dân huyện I cấp ngày 31/8/2009 cho ông Rơ Mah L và bà Rơ Mah B), ông Rơ Mah

L và bà Rơ Mah B được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 583586 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp ngày 05/8/2016 cho bà Mẫn Thị L1 (Trước đây là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 704648 do Ủy ban nhân dân huyện I cấp ngày 31/8/2009 cho ông Rơ Mah V và bà Pui M), ông Rơ Mah V và bà Pui M được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2.2 Đối với khoản vay 1.500.000.000 đồng của vợ chồng anh Đặng Ngọc T3, chị Nguyễn Thị D của Ngân hàng TMCP S chi nhánh G: Buộc bị cáo Trần Thị Kim P phải trả cho Ngân hàng TMCP S chi nhánh G số tiền 800.000.000 đồng, vợ chồng anh Đặng Ngọc T3, chị Nguyễn Thị D phải trả cho Ngân hàng TMCP S chi nhánh G số tiền 700.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Trần Thị Kim P và vợ chồng anh Đặng Ngọc T3, chị Nguyễn Thị D phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S chi nhánh G khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết với ngân hàng trên số tiền gốc phải trả.

Bị cáo Trần Thị Kim P được khấu trừ số tiền 680.600.000 đồng (trong đó bị cáo nộp 200.000.000 đồng, các bị hại nộp 480.600.000 đồng), bị cáo P còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP S chi nhánh G số tiền 119.400.000 đồng cũng lãi suất theo quy định.

Ngân hàng TMCP S chi nhánh G được quyền liên hệ Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai để nhận số tiền trên.

2.3 Đối với khoản vay 1.000.000.000 đồng của vợ chồng anh Nguyễn Văn P1, chị Mẫn Thị L1 của Ngân hàng TMCP N1 chi nhánh G: Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn P1, chị Mẫn Thị L1 phải trả cho Ngân hàng TMCP N1 chi nhánh G số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng cùng khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết với ngân hàng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị cáo Trần Thị Kim P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đặng Ngọc T3, chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Văn P1, chị Mẫn Thị L1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kì của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị cáo Trần Thị Kim P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đặng Ngọc T3, chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Văn P1, chị Mẫn Thị L1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/6/2023, bị cáo Trần Thị Kim P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 22/6/2023, bị hại Rơ Mah L, Rơ Mah B kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt và buộc bị cáo P phải chịu toàn bộ chi phí làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 08/6/2023, Ngân hàng TMCP S yêu cầu công nhận Hợp đồng thế chấp tài sản số 164/HĐ.TC-SCB.CNGL.17 ngày 09/3/2017 giữa Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh G và ông Đặng Ngọc T3, bà Nguyễn Thị D có giá trị thực hiện.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, những người bị hại; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận; Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở kết luận:

Trần Thị Kim P là đối tượng thường xuyên cho nhiều hộ dân đồng bào dân tộc thiểu số vay tiền. Lợi dụng sự thiếu hiểu biết của họ nên P nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản là quyền sử dụng đất của một số người vay tiền bằng cách yêu cầu họ đến phòng công chứng ký giấy vay tiền, nhưng thực chất là lừa họ ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để chiếm đoạt. Với thủ đoạn đó, trong năm 2015 và 2016, P đã chiếm đoạt của các hộ ông Rơ Lan U, Rơ Châm H, Rơ Lan V3, Rơ Mah L là 07 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo kết quả định giá; tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thời điểm chiếm đoạt là: 1.421.487.994 đồng.

Với hành vi và hậu quả nêu trên, án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Trần Thị Kim P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[1]. Xét kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt của bị hại Rơ Mah L, Rơ Mah B và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Thị Kim P; nhận thấy: Án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội; áp dụng đúng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 2 lần trở lên”, cũng như xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, như: Bị cáo có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, tự nguyện nộp một phần tiền để khắc phục hậu quả, để xử phạt bị cáo 08 năm tù là đảm bảo nghiêm minh, đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Do đó, hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có cơ sở để tăng mức hình phạt theo yêu cầu kháng cáo của bị hại và giảm nhẹ hình phạt như kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên.

[2]. Xét kháng cáo của bị hại Rơ Mah L, Rơ Mah B về yêu cầu buộc bị cáo P phải chịu toàn bộ chi phí làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; xét thấy: Theo quy định tại Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp

dụng một số quy định của Bộ Luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; thì chỉ buộc bị cáo bồi thường đối với khoản thiệt hại thực tế đã xảy ra. Như vậy chi phí làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là bao nhiêu chưa xác định được, nên không có cơ sở giải quyết cùng trong vụ án này. Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại trong vụ án này, thì sau khi chi phí làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với chứng từ hợp lệ, bị hại có thể yêu cầu bị cáo bồi thường bằng một vụ kiện dân sự khác.

[3]. Xét kháng cáo của Ngân hàng TMCP S về yêu cầu công nhận Hợp đồng thế chấp tài sản số 164/HĐ.TC-SCB.CNGL.17 ngày 09/3/2017 giữa Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh G với ông Đặng Ngọc T3, bà Nguyễn Thị D có giá trị thực hiện; xét thấy: Tài sản mà ông Đặng Ngọc T3, bà Nguyễn Thị D dùng để thế chấp tại ngân hàng là do bị cáo Trần Thị Kim P lừa đảo chiếm đoạt mà có, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ Luật hình sự phải thu hồi trả lại cho người bị hại. Do đó, án sơ thẩm tuyên bố hợp đồng thế chấp số 164/HĐTC-SCB.CNGL.17 ngày 9/3/2017 giữa Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh G với ông Đặng Ngọc T3, bà Nguyễn Thị D vô hiệu là đúng quy định pháp luật. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP S.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; người bị hại phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên xét thấy bị hại Rơ Mah L, Rơ Mah B là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng đặc biệt khó khăn, nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Kim P, của bị hại Rơ Mah L, Rơ Mah B và Ngân hàng TMCP S; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim P: **08 (Tám) năm tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/11/2020 đến ngày 24/6/2021.

2. Các quyết định khác về phần dân sự, về xử lý vật chứng và án phí sơ thẩm được thi hành theo Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2023/HS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

3. Án phí phúc thẩm:

- Bị cáo Trần Thị Kim P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm; Ngân hàng TMCP S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

- Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Rơ mah L3, bà Rơ Mah B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào